

Họ, tên thí sinh:

Mã đề: 1677

Số báo danh:

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**Câu 1:** Cấp số cộng có $u_1 = 5$, công sai $d = 5$. Số hạng u_8 bằng:

A. 46

B. 37

C. 49

D. 40

Câu 2: Giá trị của $\lim_{x \rightarrow 2} (x^2 + x + 1)$ bằng:

A. 12

B. 14

C. 8

D. 7

Câu 3: Cấp số nhân (u_n) có $u_1 = 2$, công bội $q = 3$. Số hạng u_2 bằng:

A. 6

B. 9

C. 5

D. 8

Câu 4: Tập giá trị của hàm số $y = \sin(x)$ là:A. $\mathbb{R}$ B. $[-1; 1]$ C. $(-1; 1)$ D. $[0; 1]$ **Câu 5:** Nghiệm của phương trình $\cos(x) = 0$ là:A. $x = \pi + k2\pi$ B. $x = \pi/2 + k\pi$ C. $x = k\pi$ D. $x = k2\pi$ **Câu 6:** Hàm số $y = \tan(x)$ không xác định tại các điểm:A. $x = \pi/2 + k\pi$ B. $x = k2\pi$ C. $x = \pi + k2\pi$ D. $x = k\pi$ **Câu 7:** Cấp số nhân (u_n) có $u_1 = 4$, công bội $q = 1/2$. Số hạng u_2 bằng:

A. 2

B. 1

C. 6

D. 8

Câu 8: Cấp số nhân (u_n) có $u_1 = 3$, công bội $q = 2$. Số hạng u_4 bằng:

A. 16

B. 48

C. 24

D. 12

Câu 9: Giá trị của $\lim_{x \rightarrow 2} (x^2 - 4)/(x - 2)$ bằng:A. $+\infty$

B. 0

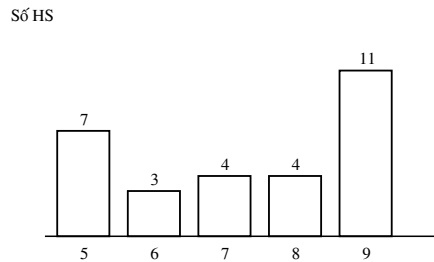
C. 2

D. 4

Câu 10: Giá trị của $\lim_{x \rightarrow +\infty} (2x + 3)/(x - 1)$ bằng:

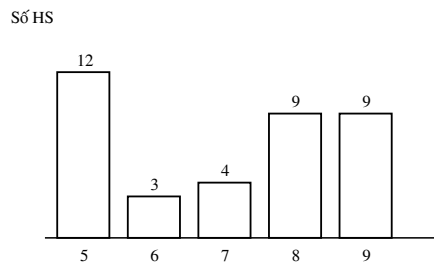
- A.** 0
B. 2
C. 3
D. $+\infty$

Câu 11: Biểu đồ bên thống kê điểm kiểm tra của một lớp. Số học sinh đạt điểm 6 là:



- A.** -6 **B.** 10
C. 8 **D.** 3

Câu 12: Biểu đồ bên thống kê điểm kiểm tra của một lớp. Tổng số học sinh của lớp là:



- A.** 29 **B.** 28
C. 37 **D.** 36

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình thang với AB song song CD và $AB > CD$.

- a) Giao tuyến của hai mặt phẳng (SAB) và (SCD) là đường thẳng đi qua S và song song với AB .
b) Đường thẳng CD song song với mặt phẳng (SAB).
c) Hai mặt phẳng (SAD) và (SBC) song song với nhau.
d) Hai đường thẳng SA và BC song song.

Câu 2: Cho hàm số $y = 5\sin(x) + 2$.

- a) Giá trị lớn nhất của hàm số bằng 7.
b) Giá trị nhỏ nhất của hàm số bằng -3.
c) Tập giá trị của hàm số là $[-1; 1]$.
d) Hàm số $y = \sin(x)$ tuần hoàn với chu kì π .

Câu 3: Cho cấp số cộng (u_n) có $u_1 = 4$ và công sai $d = 5$.

- a) Công sai của cấp số cộng bằng 6.
- b) Số hạng $u_2 = 9$.
- c) Số hạng $u_5 = 24$.
- d) Tổng 5 số hạng đầu $S_5 = 70$.

Câu 4: Cho hàm số $f(x) = (x^2 - 9)/(x - 3)$ khi $x \neq 3$ và $f(3) = m$ (m là tham số).

- a) Khi $x \neq 3$, ta có $f(x) = x + 3$.
- b) $\lim_{x \rightarrow 3} f(x) = 6$.
- c) Hàm số liên tục tại $x = 3$ khi và chỉ khi $m = 6$.
- d) Nếu $m = 0$ thì hàm số liên tục tại $x = 3$.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1: Tìm giá trị lớn nhất của hàm số $y = 12 \cdot \sin(x) + 5 \cdot \cos(x) + 2$. Trả lời:

Câu 2: Một hình hộp chữ nhật có ba kích thước 6, 3, 4. Tính độ dài đường chéo (làm tròn đến hàng phần mười). Trả lời:

Câu 3: Từ một điểm cách chân toà tháp 7 m trên mặt đất, nhìn đỉnh dưới góc 30° . Tính chiều cao toà tháp (m , làm tròn đến hàng phần mười). Trả lời:

Câu 4: Cho cấp số nhân (u_n) có số hạng đầu $u_1 = 2$ và công bội $q = 3$. Tính số hạng thứ 6. Trả lời:

Câu 5: Tính tổng của cấp số nhân lùi vô hạn $S = 6 + 6 \cdot (1/3) + 6 \cdot (1/3)^2 + \dots$ (số hạng đầu $u_1 = 6$, công bội $q = 1/3$). Trả lời:

Câu 6: Khảo sát chiều cao (cm) của một nhóm cây giống của một nhóm, thu được mẫu số liệu ghép nhóm: nhóm $[20;30)$ có 6 giá trị; $[30;40)$ có 18; $[40;50)$ có 19; $[50;60)$ có 4. Tính số trung bình của mẫu (làm tròn đến hàng phần chục). Trả lời:

----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO — Đề thi thử khảo sát chất lượng môn Toán lớp 11
— Đề số 11

Phần I. Trắc nghiệm 4 phương án

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	D	A	B	B	A	A	C	D	B	D	C

Phần II. Đúng / Sai

Câu	a)	b)	c)	d)
1	Đ	Đ	S	S
2	Đ	Đ	S	S
3	S	Đ	Đ	Đ
4	Đ	Đ	Đ	S

Phần III. Trả lời ngắn

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	15	7,8	4	486	9	39,5

** Lời giải chi tiết từng câu chỉ hiển thị sau khi mở khoá đáp án của đề (hoặc mua trọn bộ).*